



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ  
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

### Tóm tắt Báo cáo

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 36

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 938.829.643 - (84) 938.713.113
- Fax: (84) 938.829.107
- Website: [www.sach.com.vn](http://www.sach.com.vn)

### Nguồn gốc hình ảnh

- Sản phẩm và trung tâm thiết bị trường học đã được đăng ký.
- Mọi tài liệu sách giáo khoa, sách bài tập, sách, vở, phòng bảng gỗ, đồ chơi học tập được thiết kế và sản xuất theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các trường đại học, trung tâm và cơ quan liên quan.
- In sách giáo khoa học sinh và các tài liệu phân phối cho trường đại học được bảo vệ.
- Sản phẩm gỗ, bàn, ghế, sản phẩm bảng gỗ phòng họp, bàn gỗ, ghế, bàn học học sinh, đồ chơi học tập, đồ chơi trẻ em, đồ chơi trẻ em, đồ chơi trẻ em.
- Sản phẩm gỗ thiết kế nội thất.
- Sản phẩm gỗ thiết kế nội thất.
- Sản phẩm gỗ thiết kế nội thất (trò chơi chơi cá nhân các loại bàn).
- Sản phẩm gỗ thiết kế nội thất, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính.
- Các dịch vụ học, trung tâm dạy và trung tâm dạy nghề.
- Sản phẩm gỗ.
- Sản phẩm gỗ thiết kế nội thất.
- Sản phẩm gỗ thiết kế nội thất.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 028.8554 645 - 028.8553 118
- Fax: (84) 028.8564 307
- Website: [www.stb.com.vn](http://www.stb.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghệ;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Công ty có 3 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

### Công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	52,77%

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 261 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 18 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- Ông Nguyễn Chí Bính                      Chủ tịch                                      Bổ nhiệm ngày 24/04/2019
- Ông Lê Huy                                      Chủ tịch                                      Bổ nhiệm ngày 06/10/2017  
    Miễn nhiệm ngày 24/04/2019
- Bà Lê Thị Phương Hảo                      Thành viên                                      Bổ nhiệm ngày 07/06/2015
- Ông Từ Trung Đan                              Thành viên                                      Bổ nhiệm ngày 06/10/2017
- Ông Phan Xuân Hiến                              Thành viên                                      Bổ nhiệm ngày 14/04/2018
- Ông Đỗ Thành Lâm                              Thành viên                                      Bổ nhiệm ngày 24/04/2019
- Ông Trần Lê Quang                              Thành viên                                      Bổ nhiệm ngày 07/06/2015  
    Miễn nhiệm ngày 24/04/2019

### **Ban Kiểm soát**

- Bà Lê Phương Mai                              Trưởng ban                                      Bổ nhiệm ngày 07/06/2015
- Ông Vũ Văn Hà                                      Thành viên                                      Bổ nhiệm ngày 07/06/2015
- Bà Nguyễn Thị Nhớ                              Thành viên                                      Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                          |                   |                              |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Trung Đan       | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 11/11/2016     |
| • Ông Phan Xuân Hiến     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Bà Đỗ Thị Thanh Bình   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19/09/2018     |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 158/2020/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 03/03/2020 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Làm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1  
Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2020

**Phạm Thị Tươi – Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3669-2016-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:  
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:  
Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>110.465.439.096</b>	<b>103.603.971.637</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>35.319.126.202</b>	<b>22.409.903.318</b>
1. Tiền	111		11.643.704.337	7.216.279.894
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.675.421.865	15.193.623.424
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.409.278.581</b>	<b>2.282.375.309</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	2.409.278.581	2.282.375.309
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.538.026.034</b>	<b>40.999.508.678</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	34.005.285.999	40.453.502.608
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	367.473.100	165.925.010
3. Các khoản phải thu khác	136	9	399.801.858	547.108.178
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(234.534.923)	(167.027.118)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>36.750.134.293</b>	<b>36.001.487.820</b>
1. Hàng tồn kho	141		37.593.927.183	37.174.243.354
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(843.792.890)	(1.172.755.534)*
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.448.873.986</b>	<b>1.910.696.512</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	1.409.207.466	1.837.125.925*
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	39.666.520	73.570.587
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>48.846.910.944</b>	<b>51.697.546.782</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		12.000.000	11.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.336.175.660</b>	<b>38.330.872.516</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	37.171.722.879	38.327.678.061
- Nguyên giá	222		66.721.741.992	64.058.013.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.550.019.113)	(25.730.335.477)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	164.452.781	3.194.455
- Nguyên giá	228		249.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(84.547.219)	(26.805.545)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>400.000.000</b>	<b>940.000.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	400.000.000	940.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>490.000.000</b>	<b>490.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	490.000.000	490.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.608.735.284</b>	<b>11.925.674.266</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	10.603.684.778	11.908.502.548
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.050.506	17.171.718
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>159.312.350.040</b>	<b>155.301.518.419</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>41.060.056.258</b>	<b>41.264.859.333</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>41.038.056.258</b>	<b>41.264.859.333</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	11.620.519.785	13.515.264.638
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		342.298.066	915.539.854
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	1.031.924.199	697.068.518
4. Phải trả người lao động	314		14.979.747.123	15.435.220.486
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.088.741.306	2.723.344.864
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.844.530.000	1.465.675.080
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	648.087.944	717.239.995
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.482.207.835	5.795.505.898
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		22.000.000	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>118.252.293.782</b>	<b>114.036.659.086</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>118.252.293.782</b>	<b>114.036.659.086</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	6.538.767.315	6.538.767.315
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	30.641.162.779	26.474.012.931
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	7.758.986.977	7.710.502.129
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		345.313.129	324.428.281
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.413.673.848	7.386.073.848
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	21	2.896.380.487	2.896.380.487
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>159.312.350.040</b>	<b>155.301.518.419</b>



Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	412.609.736.951	388.723.208.878
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.776.500.049	3.816.551.560
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		409.833.236.902	384.906.657.318
4. Giá vốn hàng bán	11	25	319.582.279.250	298.946.985.328
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>90.250.957.652</b>	<b>85.959.671.990</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	838.405.787	774.501.486
7. Chi phí tài chính	22	27	561.634.250	1.050.648.007
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		77.559.346	520.670.699
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	28.a	32.329.104.347	29.428.515.254
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	41.164.440.978	38.231.104.545
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>17.034.183.864</b>	<b>18.023.905.670</b>
12. Thu nhập khác	31	29	720.913.812	1.046.355.184
13. Chi phí khác	32		4.695.661	7.154.318
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>716.218.151</b>	<b>1.039.200.866</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>17.750.402.015</b>	<b>19.063.106.536</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.852.277.102	1.960.902.394
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		12.121.212	12.121.212
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>15.886.003.701</b>	<b>17.090.082.930</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		15.472.731.115	16.547.679.899
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		413.272.586	542.403.031
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.044	2.166
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.044	2.166



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.750.402.015	19.063.106.536
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,14	3.877.425.310	4.044.563.132
- Các khoản dự phòng	03		(261.454.839)	(398.388.876)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		49.032	55.597
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(554.667.637)	(830.099.468)
- Chi phí lãi vay	06		77.559.346	520.670.699
<b>3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>20.889.313.227</b>	<b>22.399.907.620</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.592.257.239	(5.176.653.270)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(419.683.829)	4.536.591.281
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.869.495.012)	(74.889.126)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12	1.732.736.229	362.108.435
- Tiền lãi vay đã trả	14		(77.559.346)	(520.670.699)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(1.816.373.035)	(1.975.445.976)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		172.580.656	97.040.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.420.558.724)	(2.429.051.722)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>22.783.217.405</b>	<b>17.218.936.543</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13,14,15	(2.535.412.554)	(2.525.188.673)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	598.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(126.903.272)	(115.569.569)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		546.069.337	500.039.931
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.116.246.489)</b>	<b>(1.541.809.220)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		7.931.546.421	40.538.164.900
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.931.546.421)	(40.538.164.900)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19;20	(7.757.699.000)	(7.766.239.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.757.699.000)</b>	<b>(7.766.239.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>12.909.271.916</b>	<b>7.910.888.323</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	22.409.903.318	14.499.070.592
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(49.032)	(55.597)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	<b>35.319.126.202</b>	<b>22.409.903.318</b>



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Trung Đan

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **1. Đặc điểm hoạt động**

#### **1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD, ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại.**

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

#### **1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong kỳ, Công ty không tái cấu trúc.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông**

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

## **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

### **4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

#### **4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.1.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

#### **4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chi tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

#### ***Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

### *Dự phòng*

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.5 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Theo đó, dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được.

### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### **4.7 Tài sản cố định hữu hình**

#### *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

#### **4.8 Tài sản cố định vô hình**

##### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

#### **4.9 Thuế hoãn lại**

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

### **4.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.11 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.12 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.13 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

### **4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.15 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phân vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông/thành viên góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.21 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

### **4.22 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.23 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

#### *Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ*

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

#### *Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty con*

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Công ty con phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2010. Theo đó, Công ty con áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% trong 5 năm (từ năm 2014 đến năm 2018). Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.24 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	297.838.614	102.719.362
Tiền gửi ngân hàng	11.345.865.723	7.113.560.532
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	23.675.421.865	15.193.623.424
<b>Cộng</b>	<b>35.319.126.202</b>	<b>22.409.903.318</b>

### 6. Các khoản đầu tư tài chính

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	2.409.278.581	-	2.282.375.309	-
<b>Cộng</b>	<b>2.409.278.581</b>	<b>-</b>	<b>2.282.375.309</b>	<b>-</b>

Tại thời điểm 31/12/2019, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

#### b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019				01/01/2019	
	Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>490.000.000</b>	<b>-</b>	<b>490.000.000</b>	<b>-</b>

- Công ty đã nhận được Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định với kết quả kinh doanh lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.
- Do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 7. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục	748.011.740	1.155.589.043
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	919.388.306	729.225.487
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	615.641.898	775.805.800
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	530.253.065	36.011.119
Công ty TNHH MTV Nam Gia	2.979.578.036	5.029.881.778
Các đối tượng khác	28.212.412.954	32.726.989.381
<b>Cộng</b>	<b>34.005.285.999</b>	<b>40.453.502.608</b>

#### Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	748.011.740	1.155.589.043
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư	615.641.898	775.805.800
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	919.388.306	729.225.487
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	240.274.115	362.831.554
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư	61.003.500	110.081.718
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	530.253.065	36.011.119
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	97.177.938	-
<b>Cộng</b>		<b>3.211.750.562</b>	<b>3.169.544.721</b>

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Phần Mềm Bravo	206.270.000	109.500.000
Các đối tượng khác	161.203.100	56.425.010
<b>Cộng</b>	<b>367.473.100</b>	<b>165.925.010</b>

### 9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	90.993.505	-	82.395.205	-
Tạm ứng	281.780.000	-	233.240.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	17.028.353	-	221.472.973	-
<b>Cộng</b>	<b>399.801.858</b>	<b>-</b>	<b>547.108.178</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2019	01/01/2019
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(121.401.140)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(180.874.954)	(45.625.978)
- Từ 3 năm trở lên	(53.659.969)	-
<b>Cộng</b>	<b>(234.534.923)</b>	<b>(167.027.118)</b>

### 11. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.194.723.304	(38.174.989)	9.804.187.574	(50.818.873)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.277.513.888	-	1.056.514.179	-
Thành phẩm	11.412.513.821	(65.526.078)	10.043.572.201	(149.528.242)
Hàng hóa	15.709.176.170	(740.091.823)	16.269.969.400	(972.408.419)
<b>Cộng</b>	<b>37.593.927.183</b>	<b>(843.792.890)</b>	<b>37.174.243.354</b>	<b>(1.172.755.534)</b>

Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 31/12/2019 là 996.833.209 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2019, không có hàng tồn kho đem cầm cố, thế chấp các khoản nợ phải trả.

### 12. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	60.495.206	297.689.110
Chi phí ngoại khóa	398.870.718	248.709.311
Chi phí sửa chữa	141.065.623	546.928.058
Chi phí bảo hiểm	139.115.340	117.956.790
Chi phí trả trước khác	669.660.579	625.842.656
<b>Cộng</b>	<b>1.409.207.466</b>	<b>1.837.125.925</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	658.290.457	725.469.730
Chi phí phân bổ tại 223 Nguyễn Tri Phương	300.997.897	993.704.265
Chi phí phân bổ tại 104/5 Mai Thị Lựu	1.996.480.373	2.027.730.976
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ (An Đông)	436.952.897	911.269.541
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.008.755.619	7.198.181.451
Sửa chữa nhà kho tại Bình Dương	137.593.950	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	64.613.585	52.146.585
<b>Cộng</b>	<b>10.603.684.778</b>	<b>11.908.502.548</b>

(\*) Thuê 20.606 m<sup>2</sup> đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

### 13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	45.506.140.576	9.524.513.399	7.734.906.511	1.292.453.052	64.058.013.538
Tăng trong năm	-	879.253.000	1.692.740.909	91.734.545	2.663.728.454
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>45.506.140.576</b>	<b>10.403.766.399</b>	<b>9.427.647.420</b>	<b>1.384.187.597</b>	<b>66.721.741.992</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	13.335.284.803	7.757.570.245	3.658.296.806	979.183.623	25.730.335.477
Tăng trong năm	1.632.332.640	934.143.248	1.107.649.632	145.558.116	3.819.683.636
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.967.617.443</b>	<b>8.691.713.493</b>	<b>4.765.946.438</b>	<b>1.124.741.739</b>	<b>29.550.019.113</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	32.170.855.773	1.766.943.154	4.076.609.705	313.269.429	38.327.678.061
<b>Số cuối năm</b>	<b>30.538.523.133</b>	<b>1.712.052.906</b>	<b>4.661.700.982</b>	<b>259.445.858</b>	<b>37.171.722.879</b>

Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2019.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 10.059.943.395 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Phần mềm Website	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	-	30.000.000	30.000.000
Mua trong năm	219.000.000	-	219.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>219.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>249.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	26.805.545	26.805.545
Khấu hao trong năm	54.547.219	3.194.455	57.741.674
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>54.547.219</b>	<b>30.000.000</b>	<b>84.547.219</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	3.194.455	3.194.455
<b>Số cuối năm</b>	<b>164.452.781</b>	<b>-</b>	<b>164.452.781</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 30.000.000 đồng.

### 15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
Xây dựng cơ sở giáo dục dạy nghề 122 Phan Văn Trị	-	540.000.000
Chi phí tư vấn pháp lý công trình 104/5 Mai Thị Lựu	400.000.000	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>940.000.000</b>

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	114.740.100	425.142.780
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	134.949.623	32.045.241
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	133.154.861	77.723.664
Các đối tượng khác	11.237.675.201	12.980.352.953
<b>Cộng</b>	<b>11.620.519.785</b>	<b>13.515.264.638</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam	Công ty đầu tư	56.655.300	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	134.949.623	32.045.241
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty nhận đầu tư	114.740.100	425.142.780
Công ty CP Đầu tư PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	11.180.000	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	40.313.575	39.165.465
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	133.154.861	77.723.664
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	-	23.100.814
<b>Cộng</b>		<b>490.993.459</b>	<b>597.177.964</b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	234.518.317	-	3.929.982.305	3.626.537.772	537.962.850	-
Thuế nhập khẩu	-	-	9.741.439	9.741.439	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	73.570.587	1.852.277.102	1.816.373.035	-	37.666.520
Thuế thu nhập cá nhân	462.550.201	-	2.319.621.378	2.288.210.230	493.961.349	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	6.753.044.803	6.753.044.803	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	13.000.000	-	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>697.068.518</b>	<b>73.570.587</b>	<b>14.875.667.027</b>	<b>14.506.907.279</b>	<b>1.031.924.199</b>	<b>39.666.520</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	2.018.741.306	2.327.772.864
Trích trước chi phí khác	70.000.000	395.572.000
<b>Cộng</b>	<b>2.088.741.306</b>	<b>2.723.344.864</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
Kinh phí công đoàn	5.930.290	9.337.032
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	224.000.000	203.000.000
Cổ tức phải trả	19.107.557	41.117.557
Các khoản phải trả, phải nộp khác	399.050.097	463.785.406
<i>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	371.562.600	440.800.000
<i>Phải trả khác</i>	27.487.497	22.985.406
<b>Cộng</b>	<b>648.087.944</b>	<b>717.239.995</b>

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2018	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	21.588.170.127	7.689.617.281
Tăng trong năm	-	-	-	4.885.842.804	16.547.679.899
Giảm trong năm	-	-	-	-	16.526.795.051
<b>Số tại 31/12/2018</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>13.761.696.224</b>	<b>6.538.767.315</b>	<b>26.474.012.931</b>	<b>7.710.502.129</b>
Số tại 01/01/2019	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	26.474.012.931	7.710.502.129
Tăng trong năm	-	-	-	4.167.149.848	15.472.731.115
Giảm trong năm	-	-	-	-	15.424.246.267
<b>Số tại 31/12/2019</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>13.761.696.224</b>	<b>6.538.767.315</b>	<b>30.641.162.779</b>	<b>7.758.986.977</b>

#### b. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- <i>Cổ phiếu thường</i>	5.665.530	5.665.530
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- <i>Cổ phiếu thường</i>	5.665.530	5.665.530
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	7.710.502.129	7.689.617.281
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	15.472.731.115	16.547.679.899
Phân phối lợi nhuận năm trước	7.365.189.000	7.365.189.000
+ Chia cổ tức	7.365.189.000	7.365.189.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	8.059.057.267	9.161.606.051
- Trích quỹ đầu tư phát triển	4.167.149.848	4.885.842.804
- Trích quỹ dự trữ	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.123.084.829	3.459.027.793
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	768.822.590	816.735.454
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>7.758.986.977</b>	<b>7.710.502.129</b>

### d. Cổ tức

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 24/04/2019 đã quyết định chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 13%, tương ứng 7.365.189.000 đồng. Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức này trong năm 2019.
- Ngày 23/12/2019, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT thông qua tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền là 13%/ Vốn điều lệ. Ngày đăng ký cuối cùng để tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt là 07/01/2020 và ngày chi trả từ ngày 16/01/2020.

### 21. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	2.896.380.487	2.921.080.487
Điều chỉnh LICĐTS năm trước	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	413.272.586	542.403.031
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	413.272.586	567.103.031
- Giảm do chia cổ tức	370.500.000	395.200.000
- Giảm do trích quỹ KTPL	42.772.586	171.903.031
<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày cuối kỳ</b>	<b>2.896.380.487</b>	<b>2.896.380.487</b>

### 22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ (USD)	499,62	499,62

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	206.338.991.118	184.165.870.006
Doanh thu thiết bị giáo dục	177.676.082.056	178.141.110.134
Doanh thu hoạt động dạy học	25.564.637.068	24.152.813.600
Doanh thu khác	3.030.026.709	2.263.415.138
<b>Cộng</b>	<b>412.609.736.951</b>	<b>388.723.208.878</b>

### 24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019	Năm 2018
Hàng bán bị trả lại	2.776.500.049	3.816.551.560
<b>Cộng</b>	<b>2.776.500.049</b>	<b>3.816.551.560</b>

### 25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn sách và sản phẩm in	183.529.235.766	162.776.380.413
Giá vốn thiết bị giáo dục	116.804.691.616	118.337.503.439
Giá vốn hoạt động dạy học	17.204.204.110	16.158.776.242
Giá vốn khác	2.373.110.402	1.788.481.095
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(328.962.644)	(114.155.861)
<b>Cộng</b>	<b>319.582.279.250</b>	<b>298.946.985.328</b>

### 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	495.867.637	447.112.253
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	58.800.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	283.693.223	268.244.620
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	11.108	31.711
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	33.819	312.902
<b>Cộng</b>	<b>838.405.787</b>	<b>774.501.486</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 27. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí lãi vay	77.559.346	520.670.699
Chiết khấu thanh toán phải trả	484.000.000	529.890.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.764	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	60.140	87.308
<b>Cộng</b>	<b>561.634.250</b>	<b>1.050.648.007</b>

### 28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền lương, các khoản trích theo lương	16.905.552.207	15.799.262.390
Khấu hao tài sản cố định	472.558.393	396.631.029
Chi phí vận chuyển	2.959.736.028	3.117.449.310
Tiền thuê đất	3.845.572.272	1.635.982.560
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	6.092.794.173	6.402.863.045
Các khoản khác	2.052.891.274	2.076.326.920
<b>Cộng</b>	<b>32.329.104.347</b>	<b>29.428.515.254</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền lương, trích theo lương	24.930.519.516	23.266.599.730
Khấu hao tài sản cố định	1.037.437.589	963.946.142
Thù lao hội đồng quản trị	935.000.000	1.045.000.000
Tiền thuê đất	663.392.253	725.643.552
Các khoản khác	13.598.091.620	12.229.915.121
<b>Cộng</b>	<b>41.164.440.978</b>	<b>38.231.104.545</b>

### 29. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	324.187.215
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	227.789.438	123.370.584
Thanh lý công cụ hư hỏng	13.436.823	18.024.088
Cho thuê mặt bằng	435.013.634	535.589.130
Các khoản khác	44.673.917	45.184.167
<b>Cộng</b>	<b>720.913.812</b>	<b>1.046.355.184</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>17.750.402.015</b>	<b>19.063.106.536</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	22.601.850.987	19.185.888.623
- Hoạt động khác không được ưu đãi	(4.851.448.972)	(122.782.087)
<b>Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN</b>	<b>418.970.558</b>	<b>579.722.960</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	538.387.726	699.160.731
+ Chi phí không được trừ	538.327.586	699.073.423
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	60.140	87.308
- Các khoản điều chỉnh giảm	119.417.168	119.437.771
+ Cổ tức được chia	58.800.000	58.800.000
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.108	31.711
+ Lợi nhuận đã thực hiện	60.606.060	60.606.060
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>18.169.372.573</b>	<b>19.642.829.496</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	17.815.974.135	19.209.400.435
- Hoạt động khác không được ưu đãi	353.398.438	433.429.061
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.852.277.102</b>	<b>2.007.625.855</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	1.781.597.414	1.920.940.043
- Hoạt động khác không được ưu đãi	70.679.688	86.685.812
<b>Thuế TNDN được giảm (ưu đãi tại Công ty con)</b>	<b>-</b>	<b>46.723.461</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.852.277.102</b>	<b>1.960.902.394</b>

**31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.472.731.115	16.547.679.899
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(3.891.907.419)	(4.275.763.247)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	3.891.907.419	4.275.763.247
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.580.823.696	12.271.916.652
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.665.530
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.044</b>	<b>2.166</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.975.629.419	44.264.665.288
Chi phí nhân công	57.730.206.892	56.673.070.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.877.425.310	4.044.563.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.069.580.440	25.458.721.512
Chi phí khác bằng tiền	12.893.442.037	12.908.880.689
<b>Cộng</b>	<b>149.546.284.098</b>	<b>143.349.900.861</b>

### 33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2019	Hoạt động đầy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	25.564.637.068	177.676.082.056	209.369.017.827	412.609.736.951
Các khoản giảm trừ	35.876.000	1.010.335.237	1.730.288.812	2.776.500.049
Giá vốn hàng bán	17.204.204.110	116.625.180.971	185.752.894.169	319.582.279.250
Chi phí bán hàng	-	23.692.701.033	8.636.403.314	32.329.104.347
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.859.479.580	25.140.727.242	9.164.234.156	41.164.440.978
Chi phí lãi vay thuần	(162.262.076)	(208.773.335)	(47.272.880)	(418.308.291)
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	(3.076.720)	(138.460.034)	(141.536.754)
Thu nhập khác	-	171.652.280	549.261.532	720.913.812
Chi phí khác	-	-	4.695.661	4.695.661
<b>Lãi (lỗ) trong công ty liên kết</b>				-
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.627.339.454</b>	<b>11.584.486.468</b>	<b>4.538.576.093</b>	<b>17.750.402.015</b>

**Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2019**

Phải thu của khách hàng	946.089.575	29.116.157.772	3.708.503.729	33.770.751.076
Hàng tồn kho	194.446.351	32.650.391.093	3.905.296.849	36.750.134.293
Tài sản cố định hữu hình				37.336.175.660
- Tài sản cố định HH của bộ phận	775.399.202	18.798.681.065	-	19.574.080.267
+ Nguyên giá	1.673.390.908	36.439.361.399	-	38.112.752.307
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(897.991.706)	(17.640.680.334)	-	(18.538.672.040)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	17.762.095.393
+ Nguyên giá	-	-	-	28.857.989.685
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(11.095.894.292)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	51.455.289.011
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>159.312.350.040</b>
Phải trả người bán	320.765.340	8.935.236.831	2.364.517.614	11.620.519.785
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	29.439.536.473
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>41.060.056.258</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2018	Hoạt động đạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	24.152.813.600	178.141.110.134	186.429.285.144	388.723.208.878
Các khoản giảm trừ	70.173.000	2.268.281.780	1.478.096.780	3.816.551.560
Giá vốn hàng bán	16.158.776.242	118.337.503.439	164.450.705.647	298.946.985.328
Chi phí bán hàng	-	21.697.464.770	7.731.050.484	29.428.515.254
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.241.314.874	23.585.876.773	8.403.912.898	38.231.104.545
Chi phí lãi vay thuần	(138.300.773)	(86.015.883)	297.875.102	73.558.446
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	48.867.378	(251.455.453)	(202.588.075)
Thu nhập khác	-	86.985.253	959.369.931	1.046.355.184
Chi phí khác	-	-	7.154.318	7.154.318
<b>Lãi (lỗ) trong công ty liên kết</b>	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.820.850.257</b>	<b>12.473.851.886</b>	<b>4.768.404.393</b>	<b>19.063.106.536</b>

**Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2018**

Phải thu của khách hàng	866.338.218	36.557.548.420	2.862.588.852	40.286.475.490
Hàng tồn kho	279.628.698	31.963.544.138	3.758.314.984	36.001.487.820
Tài sản cố định hữu hình				38.330.872.516
- Tài sản cố định HH của bộ phận	996.750.974	19.964.933.320	-	20.961.684.294
+ Nguyên giá	1.673.390.908	35.468.373.854	-	37.141.764.762
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(676.639.934)	(15.503.440.534)	-	(16.180.080.468)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	17.369.188.222
+ Nguyên giá	-	-	-	26.946.248.776
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(9.577.060.554)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	40.682.682.593
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>155.301.518.419</b>
Phải trả người bán	309.028.740	10.016.598.300	3.189.637.598	13.515.264.638
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	27.749.594.695
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>41.264.859.333</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 34. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	USD	USD
Tài sản tài chính (Tiền gửi ngân hàng)	499,62	499,62

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

##### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2019</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	11.620.519.785	-	11.620.519.785
Chi phí phải trả	2.088.741.306	-	2.088.741.306
Phải trả khác	642.157.654	22.000.000	664.157.654
<b>Cộng</b>	<b>14.351.418.745</b>	<b>22.000.000</b>	<b>14.373.418.745</b>
<u>01/01/2019</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	13.515.264.638	-	13.515.264.638
Chi phí phải trả	2.723.344.864	-	2.723.344.864
Phải trả khác	707.902.963	-	707.902.963
<b>Cộng</b>	<b>16.946.512.465</b>	<b>-</b>	<b>16.946.512.465</b>

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2019</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	35.319.126.202	-	35.319.126.202
Phải thu khách hàng	33.770.751.076	-	33.770.751.076
Đầu tư tài chính	2.409.278.581	490.000.000	2.899.278.581
Phải thu khác	118.021.858	12.000.000	130.021.858
<b>Cộng</b>	<b>71.617.177.717</b>	<b>502.000.000</b>	<b>72.119.177.717</b>
<u>01/01/2019</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	22.409.903.318	-	22.409.903.318
Phải thu khách hàng	40.286.475.490	-	40.286.475.490
Đầu tư tài chính	2.282.375.309	490.000.000	2.772.375.309
Phải thu khác	313.868.178	11.000.000	324.868.178
<b>Cộng</b>	<b>65.292.622.295</b>	<b>501.000.000</b>	<b>65.793.622.295</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 35. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m<sup>2</sup> đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m<sup>2</sup> đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m<sup>2</sup> đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m<sup>2</sup> đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng làm việc, văn phòng cho thuê, cửa hàng kinh doanh và nhà trưng bày sản phẩm; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m<sup>2</sup> đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa, hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

### 36. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	Năm 2019	Năm 2018
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	Phí nhãn hiệu	51.504.818	-
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem	-	43.393.527
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng SGK, STK, bia bao	105.901.131.070	86.007.044.461
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	36.137.500	77.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách, Văn hóa phẩm	46.941.647.323	43.065.711.956
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Bản đồ	2.238.788.112	3.018.929.413
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách	18.559.695.275	17.419.947.299
Công ty CP Sách Dân Tộc	Cung ứng STK	131.148.110	163.758.900
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	Mua thiết bị	158.212.400	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm	6.777.707.794	5.865.560.117
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thiết bị	111.823.721	89.858.154
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	556.836.138	524.312.925
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách, thiết bị	6.149.204.548	4.032.185.188
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Thiết bị	148.974.498	198.059.502
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Thiết bị	1.633.018.250	1.196.051.266
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách, thiết bị	2.171.287.804	2.569.477.740
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Thiết bị	4.285.260.534	4.733.699.455

### c. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	Nội dung	Năm 2019	Năm 2018
Hội đồng quản trị	Thù lao	812.237.400	1.035.200.000
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	2.339.066.600	1.948.197.800

### 37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức bằng tiền mặt năm 2019 với tỷ lệ 13% vào ngày 07/01/2020; Thời gian thực hiện ngày 16/01/2020. Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**38. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020